

## **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA MỘT SỐ LOẠI SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN ĐỔI TỪ ĐẤT TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH**

Nguyễn Tuấn Hùng<sup>1\*</sup>, Hoàng Thái Đại<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Văn phòng UBND tỉnh Nam Định*

<sup>2</sup>*Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*\*Email: tuanhungvp3.vpubnd@gmail.com*

Ngày gửi bài: 18.04.2018

Ngày chấp nhận: 23.07.2018

### TÓM TẮT

Chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại sử dụng đất nông nghiệp khác là một trong những chính sách đất đai quan trọng, có tác động tích cực đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả của một số loại sử dụng đất sau chuyển đổi từ đất lúa tại tỉnh Nam Định được tiến hành thông qua các kết quả điều tra tại 3 huyện: Hải Hậu, Nam Trực và Ý Yên. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại sử dụng đất: trồng cây dược liệu, chuyên rau màu, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản và trang trại tổng hợp đều cho hiệu quả kinh tế cao (đặc biệt trồng hoa, cây cảnh cho giá trị gia tăng (GTGT) cao nhất với 523,94 triệu đồng/ha, tiếp đến là nuôi trồng thủy sản 475,9 triệu đồng/ha, trang trại tổng hợp 429,87 triệu đồng/ha và trồng cây dược liệu 234,69 triệu đồng/ha). Việc chuyển đổi sử dụng đất đã mang lại hiệu quả xã hội, tạo thêm nhiều công việc cho lao động địa phương, tăng thu nhập cho các nông hộ và có những chuyển biến tích cực về vấn đề môi trường trong sản xuất. Chuyển đổi đất lúa sang các loại sử dụng đất khác đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thúc đẩy cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Từ khóa: Hiệu quả, loại sử dụng đất, chuyển đổi đất trồng lúa, Nam Định.

### **Efficiency Assessment of Some Land Use Types after Conversion from Rice Land in Nam Dinh Province**

#### ABSTRACT

Conversion from paddy land to other forms of agricultural land use is one of the important land policies that have a positive impact on the efficiency of agricultural land use. This study aimed to assess the efficiency of some land use types after conversion from rice land in Nam Dinh province through surveys conducted in three districts of Hai Hau, Nam Truc and Y Yen. Research results showed that's the conversion of paddy land to other forms such as medicinal plants, specialized vegetables, flowers and ornamental plants brought about the highest economic value (especial flowers and ornamental plants with the highest value of VND 523.94 million/ha, followed by aquaculture of VND 475.9 million/ha, integrated farm with VND 429.87 million/ha and medicinal plants 234.69 million VND/ha). Land conversion has improved social benefits, created more jobs for local workers, increased income for farmers and made positive changes to the environment in production. Conversion of paddy land to other forms of land uses significantly contributed to the land use efficiency and promoted the mechanization of local agricultural production.

Keywords: Efficiency, land use type, conversion of rice land use, Nam Dinh.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bước vào thế kỷ XXI với những thách thức về an ninh lương thực, dân số, môi trường sinh thái, ngành nông nghiệp khẳng định vai trò quan

trọng đối với loài người. Nhu cầu của con người ngày càng tăng đã gây sức ép nặng nề lên đất, đặc biệt là đất nông nghiệp (Vũ Năng Dũng, 2004). Việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài

cũng như để giải quyết những xung đột trong việc sử dụng đất cho nông nghiệp, công nghiệp. Các nhà khoa học, các viện nghiên cứu nông nghiệp của các nước trên thế giới đã và đang tập trung nghiên cứu vào việc đánh giá hiệu quả đối với từng loại cây trồng, từng giống cây trồng trên mỗi loại đất để từ đó có thể sắp xếp, bố trí lại cơ cấu cây trồng phù hợp nhằm khai thác tốt hơn lợi thế (Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, 2008). Tỉnh Nam Định nằm ở phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, có tổng diện tích tự nhiên 166.854,02 ha (UBND tỉnh Nam Định, 2018). Nam Định có một thành phố đô thị loại I và 9 huyện, bao gồm 20 phường, 15 thị trấn và 194 xã. Năm 2017, dân số trên địa bàn tỉnh khoảng 1.853 nghìn người (bằng 2,1% dân số cả nước), đứng thứ 3 so với các tỉnh, thành thuộc ĐBSH. Trong những năm qua, Nam Định đang mạnh mẽ chuyển mình, từng bước vươn lên trở thành hạt nhân tăng trưởng của vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Theo báo cáo kinh tế xã hội của tỉnh Nam Định, tổng giá trị sản xuất (GTSX) đạt 60.422 tỷ đồng năm 2010, tăng lên 137.977 tỷ đồng năm 2017 (giá so sánh năm 2010). Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân giai đoạn 2011 - 2017 đạt 12,52%. Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành đã tăng từ 14,33 triệu đồng năm 2010 lên 35 triệu đồng năm 2015 và 42 triệu đồng năm 2017 (UBND tỉnh Nam Định, 2017). Trong những năm gần đây, việc chuyển đổi diện tích đất lúa hiệu quả kém sang một số loại sử dụng đất nông nghiệp khác như trồng cây dược liệu, hoa, cây cảnh, nuôi trồng thủy sản, chuyên màu, cây ăn quả... đã cho hiệu quả sử dụng đất cao hơn. Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở tỉnh Nam Định đang diễn ra với tốc độ ngày càng cao nên nhu cầu mở rộng đất cho mục đích phi nông nghiệp từ đất nông nghiệp là rất lớn, đặc biệt là đất lúa. Theo thống kê đất đai của tỉnh, trong giai đoạn 2011 - 2017, diện tích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh giảm 4.040,80 ha, phần lớn là chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp (UBND tỉnh Nam Định, 2018). Diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm đòi hỏi hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển. Việc nghiên cứu hiệu quả một số loại sử dụng đất sau chuyển đổi từ đất trồng

lúa trên địa bàn tỉnh Nam Định được thực hiện góp phần xác định các loại sử dụng đất có hiệu quả cao hơn, là cơ sở khoa học, giúp các nhà quản lý sản xuất nông nghiệp có những quyết định phù hợp trong quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại địa phương.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Đối tượng nghiên cứu*: một số loại sử dụng đất sau chuyển đổi từ đất trồng lúa và các yếu tố kinh tế xã hội liên quan đến phát triển các loại sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- *Thu thập dữ liệu thứ cấp*: thu thập thông tin ở các cơ quan Trung ương, tỉnh, huyện về tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2017.

- *Thu thập số liệu sơ cấp*:

Chọn điểm nghiên cứu: Nam Định là tỉnh ven biển có địa hình khá bằng phẳng và thấp trũng, để bảo đảm tính đại diện, một số huyện, xã đã được lựa chọn để điều tra, nghiên cứu: huyện Nam Trực, Ý Yên điều tra các xã Nam Dương, Nam Hải, Diên Xá, Yên Tân, Yên Trung, Yên Nhân (đại diện cho vùng đồng bằng thấp trũng, tiểu vùng 1) và huyện Hải Hậu điều tra các xã Hải Hà, Hải Tây, Hải Châu, Hải Ninh (đại diện cho vùng ven biển, tiểu vùng 2). Đây là những xã có đặc điểm về đất đai, địa hình, tập quán canh tác, cây trồng đặc trưng cho 2 vùng của tỉnh và thực hiện thành công chuyển đổi từ sản xuất lúa sang các loại sử dụng đất khác.

Điều tra nông hộ: Để đánh giá hiệu quả của một số loại sử dụng đất chuyển đổi từ đất trồng lúa, phỏng vấn trực tiếp hộ nông dân theo bộ câu hỏi soạn sẵn về các thông tin có liên quan đến sản xuất nông nghiệp của hộ. Kết quả được tổng hợp từ 223 phiếu điều tra của các hộ đã thực hiện chuyển đổi.

- *Đánh giá hiệu quả sử dụng đất*:

Về hiệu quả kinh tế, sử dụng các chỉ tiêu giá trị sản xuất (GTSX = năng suất × giá nông sản), chi phí trung gian (CPTG - gồm các chi phí vật chất, dịch vụ và các loại phí, không bao gồm công lao động gia đình), giá trị gia tăng (GTGT = GTSX - CPTG) và hiệu quả đồng vốn (HQĐV = GTGT/CPTG).

Đánh giá hiệu quả xã hội dùng các chỉ tiêu: Công lao động (công LĐ); Giá trị ngày công lao động (GTNC = GTGT/số công lao động); sự lựa chọn của người dân (tỷ lệ hộ lựa chọn loại sử dụng đất); thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông hộ sau chuyển đổi. Đánh giá hiệu quả môi trường thông qua mức độ sử dụng phân bón theo khuyến cáo, quản lý chất thải, dịch bệnh, quản lý chất lượng sản phẩm.

- Xử lý số liệu: chương trình Excel.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Chuyển đổi đất lúa sang các loại sử dụng khác giai đoạn 2010 - 2017 của tỉnh Nam Định

##### 3.1.1. Biến động sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 - 2017

Nằm ở vùng ven biển, đất đai màu mỡ và khá chủ động nước tưới, Nam Định từ trước đến nay vẫn được coi là một trong những tỉnh có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất của vùng ĐBSH. Theo kết quả thống kê đất đai 2017, đất nông nghiệp có diện tích 112.692,62 ha. Những năm qua do áp lực phát triển công nghiệp, xây dựng, gia tăng dân số, đất nông nghiệp toàn

tỉnh ngày càng thu hẹp, năm 2017 giảm 624,16 ha (tương đương 0,55%) so với năm 2010.

Theo kết quả thống kê đất đai giai đoạn 2010 - 2017, đất trồng lúa giảm 4.040,80 ha, tương đương 5,05%. Trong các loại đất sử dụng trong nông nghiệp, đất trồng lúa có diện tích lớn nhất và có vị trí vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh. Lúa gạo luôn là sản phẩm chủ lực của ngành trồng trọt của tỉnh; ngoài việc bảo đảm an ninh lương thực cho người dân trong tỉnh, hàng năm Nam Định còn cung ứng ra thị trường khoảng 300 - 350 nghìn tấn lúa hàng hóa, trong đó có loại gạo chất lượng cao có thương hiệu khắp cả nước như Tám thơm Hải Hậu, Nếp cái Hoa vàng... Đất trồng cây hàng năm khác tăng 1.036,54 ha (18,64%), đây là phần diện tích chuyên canh rau màu tập trung (khoai tây, lạc, súp lơ, su hào, ngô, rau các loại...) và cây dược liệu (đinh lăng, quất lấy quả, kỷ tử, ích mẫu, hy thiêm, bông mã đề, râu mèo, gấc...). Đất trồng cây lâu năm tăng 459,49 ha gồm các loại cây ăn quả và hoa, cây cảnh (tương ứng 5,75%). Năm 2017, đất nuôi trồng thủy sản tăng 3.237,71 ha so với năm 2010 (tương ứng 22,86%); Đất nông nghiệp khác tăng 396,4 ha. Loại đất này gồm các trang trại trồng

**Bảng 1. Biến động diện tích các loại đất nông nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 - 2017 (ha)**

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Năm 2010	Năm 2017	SS tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	Đất nông nghiệp	NNP	113.316,78	112.692,62	-624,16	-0,55
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	91.633,34	91.079,01	-554,33	-0,60
1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	85.643,21	82.629,39	-3.013,82	-3,52
1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	80.071,90	76.031,10	-4.040,80	-5,05
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.561,75	6.598,29	1.036,54	18,64
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.990,13	8.449,62	459,49	5,75
2	Đất lâm nghiệp	LNP	4.240,46	2.950,43	-1.290,03	-30,42
2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	2.260,71		-2.260,71	-100,00
2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH		1.896,82	1.896,82	
2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	2.360,71	1.053,61	-1.307,10	-55,37
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14.163,83	17.401,54	3.237,71	22,86
4	Đất làm muối	LMU	1.030,15	716,26	-313,89	-30,47
5	Đất nông nghiệp khác	NKH	249	545,4	296,40	119,04

Nguồn: UBND tỉnh Nam Định (2018a)

trọt, trang trại tổng hợp, trang trại chăn nuôi và trang trại thủy sản. Hiện nay, đất rừng mang chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đê biển, bảo vệ sản xuất nông nghiệp và kết hợp nuôi trồng thủy sản, giá trị kinh tế đơn thuần không cao. Đất làm muối có xu hướng giảm dần (giảm 313,89 ha) do hiệu quả kinh tế thấp hơn nhiều so với các loại sử dụng đất khác trên cùng địa bàn (như nuôi trồng thủy sản, trồng hoa màu,...). Tuy nhiên sản xuất muối hiện nay có ý nghĩa tạo công ăn việc làm, tạo sản phẩm tiêu dùng, ổn định thu nhập cho một bộ phận lao động, góp phần giữ vững an ninh chính trị vùng ven biển.

**3.1.2. Chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại sử dụng khác trên địa bàn tỉnh Nam Định**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, độ cạnh tranh của nông nghiệp ngày càng thu hẹp để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Những năm gần đây, theo định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tỉnh Nam Định thực hiện những mô hình chuyển đổi đất lúa sang các loại sử dụng đất hiệu quả cao. Theo báo cáo tình hình quản lý sử dụng đất lúa, giai đoạn 2010 -

2017 toàn tỉnh Nam Định chuyển đổi được 2.843,32 ha đất lúa sang mục đích nông nghiệp khác. Diện tích đất lúa chuyển đổi nhiều nhất là huyện Hải Hậu (chuyển đổi 707,62 ha), tiếp đến các địa phương như Ý Yên (chuyển đổi 590,27 ha); thành phố Nam Định (chuyển đổi 505,25 ha); huyện Vụ Bản (chuyển đổi 246,81 ha)...

Chuyển đổi sử dụng đất từ trồng lúa sang chủ yếu trồng cây rau màu hàng hóa ngắn ngày và cây dược liệu (chuyển đổi được 1.346,33 ha) ở hầu khắp các huyện nhưng tập trung nhiều nhất ở thành phố Nam Định, Hải Hậu, tiếp đến là chuyển sang nuôi trồng thủy sản và mô hình lúa - cá (chuyển đổi được 958,34 ha), phát triển mạnh nhất ở huyện Ý Yên và Hải Hậu. Các loại hình chuyển đổi khác như trồng cây ăn quả, làm trang trại, trồng hoa cây cảnh có xuất hiện nhưng phạm vi chưa rộng và quy mô diện tích còn hạn chế.

**3.2. Hiệu quả của các loại sử dụng đất sau chuyển đổi đất trồng lúa tỉnh Nam Định**

**3.2.1. Hiệu quả kinh tế**

*a. Thay đổi thu nhập của hộ*

Kết quả điều tra (Bảng 3) cho thấy các kiểu sử dụng đất (LUT) trồng cây dược liệu, 40/50 hộ

**Bảng 2. Kết quả chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại sử dụng khác giai đoạn 2010 - 2017 (ha)**

STT	Huyện	Tổng	Chuyên màu, cây dược liệu	Chuyên NTTS, Lúa - cá	Cây ăn quả, hoa cây cảnh	Trang trại
1	Mỹ Lộc	115,86	47,07	34,02	23,54	11,23
2	Nghĩa Hưng	190,68	17,68	106,10	46,90	20,00
3	Trực Ninh	145,09	64,27	29,98	44,63	6,21
4	TP Nam Định	505,25	404,86	57,80	30,00	12,59
5	Vụ Bản	246,81	153,00	53,81	20,00	20,00
6	Ý Yên	590,27	178,60	326,84	52,28	32,55
7	Giao Thủy	131,77	40,85	36,12	20,00	34,80
8	Hải Hậu	707,62	400,00	263,00	30,00	14,62
9	Nam Trực	104,86	20,00	30,06	45,70	9,10
10	Xuân Trường	105,11	20,00	20,61	50,00	14,50
	Tổng cộng	2.843,32	1.346,33	958,34	363,05	175,60

Nguồn: UBND tỉnh Nam Định (2018b)

**Bảng 3. Tình hình thay đổi thu nhập của các nông hộ sau chuyển đổi (hộ)**

LUT	Số hộ	Hộ có thu nhập tăng	Tỷ lệ (%)	Hộ có thu nhập không đổi	Tỷ lệ (%)	Hộ có thu nhập giảm	Tỷ lệ (%)
Cây dược liệu	50	40	80,00	9	18,00	1	2,00
Chuyên màu	42	42	100,00	0	0	0	0
Hoa, cây cảnh, cây ăn quả	74	71	95,95	3	4,05	0	0
Nuôi trồng thủy sản, lúa - cá	37	37	100,00	0	0	0	0
Trang trại tổng hợp	20	20	100,00	0	0	0	0
Tổng số	223	210	94,17	12	5,38	1	0,45

(80%) có thu nhập tăng lên, 9/50 hộ có thu nhập không thay đổi (18%) và có 1 hộ có thu nhập giảm. LUT chuyên màu có 42/42 hộ có thu nhập tăng lên (100%). LUT trồng hoa và cây cảnh, 71/74 hộ có thu nhập tăng lên (95,95%), có 3 hộ thu nhập không thay đổi (4,05%). LUT nuôi trồng thủy sản, lúa - cá có 37/37 hộ (100%) có thu nhập tăng lên. LUT trang trại có 20/20 hộ có thu nhập tăng lên. Thực tế khảo sát cho thấy chuyển đổi từ trồng lúa sang các LUT khác đã nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình. Chỉ có 1 hộ có thu nhập giảm do gặp rủi ro trong quá trình sản xuất và đó là các hộ mới chuyển đổi (do chi phí những năm đầu cao hơn).

*b. Hiệu quả kinh tế các loại sử dụng đất sau khi chuyển đổi đất trồng lúa*

Để phân tích và so sánh hiệu quả kinh tế của các loại sử dụng đất sau chuyển đổi từ đất trồng lúa, 8 kiểu sử dụng đất đại diện (trên cả 2 tiểu vùng) đã được chọn ra, trong đó kiểu sử dụng đất trồng lúa được dùng làm đối chứng để so sánh (Bảng 4).

- *Đối với tiểu vùng đồng bằng thấp trũng:* Nếu xét về giá trị sản xuất (GTSX), cao nhất thuộc về kiểu sử dụng đất NTTS thâm canh, đạt giá trị GTSX 750,80 tr.đ/ha/năm, cao gấp 10,78 lần so với trồng 2 vụ lúa bắp bênh do ngập úng (vùng trũng); các kiểu sử dụng đất trang trại tổng hợp, trồng hoa cây cảnh cũng cho GTSX cao; LUT trồng cây ăn quả của vùng này cho GTSX thấp nhất trong số các kiểu sử dụng đất chuyển đổi, GTSX trồng cây ăn quả chỉ đạt 78,1 tr.đ/ha/năm ở thời kỳ kinh doanh năm thứ 5 - 10 của những loại cây phổ biến như nhãn, bưởi... qua đó cho thấy vùng đồng bằng nội đồng thấp trũng

không có lợi thế phát triển cây ăn quả lâu năm. Nếu xét chỉ tiêu giá trị gia tăng (GTGT), kiểu sử dụng đất trồng hoa cây cảnh mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất (GTGT đạt 523,94 tr.đ/ha/năm, cao gấp 12,9 lần so với mô hình trồng 2 vụ lúa). Về hiệu quả đồng vốn (HQĐV) trồng hoa cây cảnh có hiệu quả cao nhất, đạt 5,56 lần trong khi trồng lúa 2 vụ chỉ đạt 1,39 lần.

- *Đối với tiểu vùng ven biển:* Tiểu vùng này có nguồn nước mặn, lợi, lợi thế lớn nhất là NTTS mặn, lợi với những đặc sản như tôm, cua, nhuyễn thể, cá... Trong trồng trọt, vùng ven biển có nhiều quỹ đất cát, thịch nhẹ pha cát nên rất thích hợp cho cây trồng cạn. Những năm qua nhiều địa phương ven biển chuyển đổi nhiều diện tích từ trồng 2 vụ lúa bắp bênh hiệu quả thấp sang rau màu, cây dược liệu, hoa cây cảnh hiệu quả kinh tế cao. Kết quả điều tra nông hộ, trong số 7 mô hình chuyển đổi ở tiểu vùng ven biển, GTSX cao nhất thuộc về NTTS (GTSX đạt 780 tr.đ/ha/năm), cao gấp 11,2 lần so với cây 2 vụ lúa; GTGT cao nhất thuộc về kiểu sử dụng đất trồng hoa cây cảnh với GTGT bình quân đạt 519,29 tr.đ/ha/năm, bằng 7,46 lần so với cây 2 vụ lúa, HQĐV là 5,47 lần. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của tiểu vùng ven biển phải kể đến gió bão, triều cường, xâm nhập mặn.

- *Nhận xét chung:* Sau chuyển đổi đất trồng 2 vụ lúa bắp bênh sang các loại sử dụng khác cho hiệu quả kinh cao hơn kể cả giá trị GTSX, GTGT và HQĐV. Đối với tiểu vùng nội đồng úng trũng cũng như tiểu vùng ven biển, các kiểu chuyển đổi sang NTTS, trồng hoa cây cảnh, trang trại tổng hợp cho GTSX và GTGT cao.

**Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của các loại sử dụng đất sau chuyển đổi đất trồng lúa tại tỉnh Nam Định**

STT	Loại sử dụng đất	GTSX (tr.đ/ha)	CPTG (tr.đ./ha)	GTGT (tr.đ/ha)	HQĐV (lần)
<i>I Tiểu vùng 1</i>					
1	2 lúa	69,60	29,17	40,43	1,39
2	Lúa - màu	128,90	40,20	88,70	2,21
3	Cây dược liệu	285,00	50,31	234,69	4,66
4	Chuyên màu	135,00	35,76	99,24	2,77
5	Hoa, cây cảnh	618,11	94,17	523,94	5,56
6	Cây ăn quả	78,10	24,68	53,42	2,16
7	Nuôi trồng thủy sản	750,80	274,90	475,90	1,73
8	Trang trại tổng hợp	680,56	251,59	428,97	1,71
<i>II Tiểu vùng 2</i>					
1	2 lúa	64,78	29,15	35,63	1,22
2	Lúa - màu	125,98	41,00	84,98	2,07
3	Cây dược liệu	280,79	52,00	228,79	4,40
4	Chuyên màu	130,00	36,00	94,00	2,61
5	Hoa, cây cảnh	614,27	94,98	519,29	5,47
6	Cây ăn quả	77,20	24,97	52,23	2,09
7	Nuôi trồng thủy sản	780,00	275,00	505,00	1,84
8	Trang trại tổng hợp	683,70	253,00	430,70	1,70

**3.2.2. Hiệu quả xã hội**

a. Công lao động, giá trị ngày công của các loại sử dụng đất sau chuyển đổi đất trồng lúa và sự lựa chọn của người dân đối với loại sử dụng đất

Việc chuyển đổi sử dụng đất lúa 2 vụ truyền thống kém hiệu quả sang các loại sử dụng đất khác (Bảng 5) ở cả 2 tiểu vùng điều tra mang lại hiệu quả xã hội rõ rệt. Thông qua việc so sánh giá trị ngày công, nếu sản xuất 2 vụ lúa bắp bênh (do thiên tai bão lụt, úng ngập, xâm nhập mặn, hạn hán...), GTGT/công lao động chỉ đạt 89,08 - 101,08 nghìn đồng/ngày công trong khi các mô hình chuyển đổi đều mang lại GTGT/công lao động cao hơn. Cụ thể, mô hình cho GTNC cao nhất ở cả 2 tiểu vùng là nuôi trồng thủy sản (đạt 673,33 nghìn đồng của tiểu vùng ven biển và 594,88 nghìn đồng của tiểu vùng đồng bằng thấp trũng). Các kiểu sử dụng đất như trang trại tổng hợp, trồng cây dược liệu, hoa cây cảnh cũng mang giá trị ngày công cao. Kiểu sử dụng đất như chuyên trồng màu, lúa -

màu có GTNC không cao, tuy nhiên cao hơn so với trồng 2 vụ lúa truyền thống và thu hút được nhiều công lao động nên cũng tạo việc làm ổn định cho người nông dân.

Theo kết quả điều tra, tỷ lệ hộ mong muốn tiếp tục phát triển loại sử dụng đất sau chuyển đổi khá cao, đạt từ 75% trở lên do các loại sử dụng đất này mang lại hiệu quả kinh tế cao và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Trong các loại sử dụng đất, nuôi trồng thủy sản được các hộ lựa chọn nhiều nhất.

b. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của hộ dân sau chuyển đổi đất lúa

Có thị trường tiêu thụ được nông sản làm ra là điều kiện tiên quyết để phát triển nông nghiệp hàng hóa và cũng là yếu tố quan trọng nhất để thúc đẩy quá trình chuyển đổi đất lúa sang các loại sử dụng đất khác của tỉnh Nam Định. Kết quả điều tra (Bảng 6) cho thấy các nông hộ trồng cây dược liệu đều sản xuất theo đặt hàng của các doanh nghiệp, đây là một

Đánh giá hiệu quả của một số loại sử dụng đất chuyển đổi từ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nam Định

hướng đi tốt. Các doanh nghiệp hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân, đặt ra các yêu cầu đối với nông sản và đảm bảo đầu ra cho nông dân, 100% số hộ tham gia đều bán cho doanh nghiệp. Đối với loại sử dụng đất trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả và chuyên màu thì lại phụ thuộc nhiều vào thương lái. Điều này có tác động không nhỏ đến hiệu quả sản xuất của các nông hộ, đòi hỏi các nhà quản lý cần có giải pháp thích hợp để kiểm soát tình hình. Sản phẩm của các nông hộ nuôi trồng thủy sản và trang trại tổng hợp được bán ngoài chợ đến gần 2/3 số hộ và khoảng 1/3 cung

cấp cho thương lái (LUT nuôi trồng thủy sản chủ yếu bán tại các chợ nhỏ hoặc chợ đầu mối tại các địa phương chiếm 63,15% số hộ, LUT hoa cây cảnh 100% bán cho thương lái đến thu hoạch tại vườn...). Đối với các hộ có chuyển đổi, trồng lúa chỉ nhằm đảm bảo cung cấp lương thực cho gia đình.

Hiện nay, ô nhiễm gây suy thoái môi trường đang là vấn đề bức bách cần giải quyết ở nông thôn. Tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm là chất thải từ sản xuất nông nghiệp và dư lượng hóa chất, thuốc BVTV; thức ăn, kháng sinh trong

**Bảng 5. Hiệu quả xã hội của các loại sử dụng đất sau chuyển đổi đất trồng lúa tại tỉnh Nam Định**

STT	Loại sử dụng đất	Công LĐ (công)	GTNC (ng.đ/công)	Sự lựa chọn của người dân (%)
<i>I Tiểu vùng 1</i>				
1	2 lúa	400	101,08	30
2	Lúa - màu	730	121,51	70
3	Cây dược liệu	700	335,27	98
4	Chuyên màu	775	128,05	88
5	Hoa, cây cảnh	950	551,52	95
6	Cây ăn quả	238,2	224,27	75
7	Nuôi trồng thủy sản	800	594,88	98
8	Trang trại tổng hợp	950	451,55	95
<i>II Tiểu vùng 2</i>				
1	2 lúa	400	89,08	40
2	Lúa - màu	735	115,62	75
3	Cây dược liệu	750	305,05	98
4	Chuyên màu	775	121,29	70
5	Hoa, cây cảnh	970	535,35	95
6	Cây ăn quả	237	220,38	50
7	Nuôi trồng thủy sản	750	673,33	99
8	Trang trại tổng hợp	900	478,56	90

**Bảng 6. Tỷ lệ số hộ có nông sản được tiêu thụ sau chuyển đổi**

Loại sử dụng đất	Chợ		Thương lái		Doanh nghiệp	
	Số hộ tham gia	Tỷ lệ (%)	Số hộ tham gia	Tỷ lệ (%)	Số hộ tham gia	Tỷ lệ (%)
Cây dược liệu	0	0	0	0	50	100
Chuyên màu	8	19,04	34	80,96	0	0
Hoa cây cảnh, cây ăn quả	0		74	100	0	0
Nuôi trồng thủy sản và trang trại tổng hợp	36	63,15	21	36,85	0	0

**Bảng 7. Kết quả điều tra nông hộ một số chỉ tiêu môi trường của tỉnh Nam Định**

Một số chỉ tiêu	Tỷ lệ số hộ (%)						
	2 lúa	Lúa - màu	Cây được liệu	Chuyên màu	Hoa, cây cảnh, cây ăn quả	NTTS, lúa - cá	Trang trại tổng hợp
Sử dụng lượng phân bón hóa học theo đúng khuyến cáo	92	95	99	95	95		
Sử dụng lượng phân chuồng theo đúng khuyến cáo	50	55	95	60	85		
Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật theo đúng khuyến cáo	100	100	100	100	100		
Sản xuất quy mô công nghiệp, quy hoạch vùng tập trung, có xử lý thải bằng biogas trong chăn nuôi;						70	70
Quản lý được dịch bệnh	95	95	98	90	80	80	80
Quản lý được chất lượng giống	95	95	99	92	95	95	93
Quản lý được nguồn nước						65	60
Quản lý được thức ăn trong chăn nuôi và NTTS						95	95
Quản lý được chất lượng sản phẩm	90	90	97	90	80	80	80

chăn nuôi và NTTS; chất thải sinh hoạt... do ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, VSATTP còn nhiều hạn chế... Theo cơ quan chuyên môn về môi trường, mỗi năm khu vực nông thôn phát sinh trên 1,5 triệu tấn chất thải chăn nuôi; 60 - 70 tấn vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (Đặng Thành Trung, 2017). Để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường từ hệ thống sử dụng đất trong nông nghiệp, đòi hỏi phải có kết quả phân tích mẫu đất, nguồn nước và sản phẩm từ vùng nghiên cứu trong thời gian dài, đòi hỏi công sức và chi phí tốn kém. Do vậy, thông qua phỏng vấn nông hộ, tác giả chỉ lựa chọn một số chỉ tiêu định tính đại diện cho việc đánh giá tác động đến môi trường của chuyển đổi đất lúa sang mô hình sử dụng nông nghiệp khác (Bảng 7).

### 3.2.3. Hiệu quả môi trường

Kết quả khảo sát nông hộ cho thấy, phần lớn các loại sử dụng đất sử dụng lượng phân bón hóa học theo đúng khuyến cáo. Lượng phân chuồng được bón thấp hơn so với khuyến cáo do phần lớn phân chuồng được làm thức ăn trong NTTS. Theo kết quả điều tra, các loại thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng đều theo khuyến cáo. Đối với việc nuôi trồng thủy sản và làm trang

trại tổng hợp, sản xuất theo quy mô công nghiệp, theo quy hoạch vùng tập trung, có xử lý chất thải bằng biogas trên địa bàn tỉnh chỉ đạt 70%. Tỷ lệ các hộ quản lý được dịch bệnh, quản lý được chất lượng giống, quản lý được thức ăn và chất lượng sản phẩm khá cao, trên 80% các hộ được phỏng vấn. Việc quản lý nguồn nước trong chăn nuôi chỉ đạt từ 60 - 65%. Từ kết quả khảo sát trực tiếp và phỏng vấn nông hộ cho thấy, chuyển đổi sử dụng đất đai theo hướng tập trung chuyên canh đồng nghĩa với việc đưa sản xuất nông nghiệp lên quy mô lớn, người dân được tiếp cận nhiều với khoa học kỹ thuật nên ý thức bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, quy mô sản xuất càng phát triển thì nguy cơ ô nhiễm và suy thoái môi trường càng lớn, do vậy việc sử dụng đất trong nông nghiệp hiệu quả và bền vững luôn phải đặt ra.

## 4. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2010 - 2017, các huyện trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phần lớn là chuyển đổi đất trồng lúa có hiệu quả thấp sang các mục đích nông nghiệp khác.



Trong giai đoạn này, tỉnh Nam Định chuyển đổi 2.843,32 ha đất lúa sang mục đích nông nghiệp khác là chuyên màu, trồng cây dược liệu, trồng hoa cây cảnh, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản và phát triển trang trại. Các địa bàn có diện tích chuyển đổi nhiều là huyện Hải Hậu, Ý Yên và thành phố Nam Định...

Việc chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang mục đích sử dụng khác trong nông nghiệp ở trên hai tiểu vùng đại diện cho tỉnh Nam Định đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trên cả phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Kết quả cho thấy hiệu quả kinh tế của trồng hoa, cây cảnh cho GTGT cao nhất với 523,94 triệu đồng/ha, tiếp đến là nuôi trồng thủy sản 475,9 triệu đồng/ha, trang trại tổng hợp 429,87 triệu đồng/ha và trồng cây dược liệu 234,69 triệu đồng/ha. Hiệu quả đồng vốn của trồng hoa, cây cảnh cao nhất, đạt 5,56 lần, tiếp đến là các LUT cây dược liệu 4,66 lần, chuyên màu 2,77 lần... Về hiệu quả xã hội, việc chuyển đổi sử dụng đất đã tạo thêm nhiều công việc cho lao động địa phương, tăng thu nhập cho các nông hộ. Các LUT thu hút nhiều lao động nhất là hoa cây cảnh với 970 công LĐ/ha ở vùng 2 và 950 công LĐ/ha ở vùng 1; trang trại tổng hợp với 950 công LĐ/ha ở vùng 1 và 900 công LĐ/ha ở vùng 2; nuôi trồng thủy sản với 800 công LĐ/ha ở vùng 1 và 750 công

LĐ/ha ở vùng 2. Về hiệu quả môi trường, hầu hết các LUT đều sử dụng lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật theo đúng khuyến cáo (đạt trên 92% các hộ được phỏng vấn). Các vấn đề về dịch bệnh, chất lượng giống, nguồn nước, thức ăn trong chăn nuôi và NTTS, chất lượng sản phẩm của các LUT trang trại tổng hợp và NTTS phần lớn được các hộ chú trọng quan tâm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Thành Trung, Trần Ngọc Ngoạn (2017). Vấn đề quản lý chất thải nông thôn tại Nam Định: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Môi trường, 4: 30-31.
- Vũ Năng Dũng (2004). Cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chí, bước đi, cơ chế chính sách trong quản trình công nghiệp hóa- hiện địa hóa nông nghiệp nông thôn. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- UBND tỉnh Nam Định (2017). Báo cáo kinh tế xã hội năm 2017, định hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2018
- UBND tỉnh Nam Định (2018a). Hiện trạng sử dụng đất năm 2017 tỉnh Nam Định.
- UBND tỉnh Nam Định (2018b). Báo cáo số 57/BC-UBND, Kết quả thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2008). Quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững thực hiện Chương trình nghị sự 21.